TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2021/QĐST - HNGĐ	*Phú Lương, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1978.

Trú tại: xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh T

- Bị đơn: anh Trần Việt G, sinh năm 1975.

Trú tại: xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị T và anh Trần Ngọc G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Ngọc G thuận tình ly hôn chị Trần Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn K1, sinh ngày 27/4/2001 và Trần Thị H, sinh ngày 16/10/2009. Hai bên thỏa thuận: con Trần Văn Khải đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; G con Trần Thị H,

sinh ngày 16/10/2009 cho anh Trần Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Trần Thị T cấp dưỡng cho anh G nuôi con chung 1.000.000đ *(Một triệu đồng)/*tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định. Chị Trần Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí: Hai bên thỏa thuận chị Trần Thị T chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung đã được nộp tại Biên lai thu số 0003272 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Yên Đổ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: TP, TK, VP, HNGĐ, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Ngọc Linh